

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Hiệp.

Ông Trịnh Xuân Tùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Số A TL43, Khu phố A, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc G, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Quốc G sống chung vợ chồng năm 2010, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sống chung có sinh được 01 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 06/7/2012. Tài sản chung và nợ chung không có.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa chị và anh **G** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị và anh **G** đã sống ly thân được 01 năm, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được.

Nên nay, về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh **Trần Quốc G**, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung tên **Trần Gia B**, sinh ngày 06/7/2012, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Trần Quốc G** luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng bị đơn **Trần Quốc G** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thu H**, chị **H** được ly hôn với anh **Trần Quốc G**. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, chị **H** không có yêu cầu nên không xem xét. Về con chung chị **H** được trực tiếp nuôi con chung tên **Trần Gia B**, sinh ngày 06/7/2012 (theo nguyện vọng của cháu **Gia B**). Anh **G** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **H** không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: chị **H** trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Thu H** có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh **Trần Quốc G**. Bị đơn anh **Trần Quốc G** có nơi cư trú tại **số nhà C, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị **H** có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh **G** đã được

Tòa triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh **G** vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu H** và anh **Trần Quốc G** kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **B**, quận **T**, Thành phố **Hồ Chí Minh**, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, giữa chị **H** và anh **G** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng giữa chị **H** và anh **G** không còn hạnh phúc, chị **H** và anh **G** đã sống ly thân đến nay 01 năm nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn lại được, còn anh **G** đều vắng mặt mỗi lần tòa triệu tập, không có lời trình bày. Bên cạnh đó, qua xác minh đối với ông **Ngô Văn X** là trưởng ấp **T**, xã **M** thì ông **X** cũng cho rằng giữa chị **H** và anh **G** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cự cãi nhau, chị **H** và anh **G** đã sống ly thân khoảng 06 – 07 tháng, cả hai rất khó hàn gắn tình cảm. Lẽ đó, có căn cứ cho thấy trong thời gian sống chung giữa chị **H** và anh **G** đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị **H** và anh **G** đã sống ly thân được một thời gian và từ lúc chị **H** yêu cầu ly hôn đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị **H** và anh **G** vẫn không hàn gắn lại được, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị **H** và anh **G** đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên nay chị **H** có yêu cầu được ly hôn với anh **G** là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi ly hôn, chị **H** không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về con chung: Chị **H** trình bày trong thời gian sống chung giữa chị **H** và anh **G** có sinh được 01 con chung tên **Trần Gia B**, sinh ngày 06/7/2012. Chị **H** yêu cầu được nuôi con chung, cháu **Trần Giao B1** cũng có nguyện vọng là được sống chung với chị **H**, nên việc chị **H** yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị **H** được trực tiếp nuôi con chung tên **Trần Gia B**, sinh ngày 06/7/2012 (theo nguyện vọng của cháu **Gia B**), anh **G** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **H** không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị **H** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Còn anh **G** vắng mặt, không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị **H** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Còn anh **G** vắng mặt, không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Thu H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 177, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trần Quốc G. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Quốc G.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn không đặt vấn đề xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 06/7/2012 (theo nguyện vọng của cháu Gia B), anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001320 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Như vậy án phí chị H đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND phường B,
quận T Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, VP).

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên